

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2021

*“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con  
chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Phạm Công Định

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2021/HNGĐ – TLST ngày 25/01/2021 về việc “ *Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2021/QĐ-ST ngày 25/5/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị B, sinh ngày 25/01/1997.

HKTT: Thôn T, Phường H, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn N, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 19/9/1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, Phường H, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại : Đài Loan (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị Mai, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, Phường H, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Triệu Thị B trình bày: Chị và anh H được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Hải Dương ngày 18 tháng 02 năm 2016. Sau

ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, khi chị sinh con được 2 tháng thì anh H đi nước ngoài, chị đã khuyên can anh H ở nhà nhưng không được. Từ khi đi nước ngoài, anh H không quan tâm đến vợ con nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Bắc Giang sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung : Vợ chồng chị có 1 con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày 27/4/2017. Hiện nay cháu A đang ở với bà nội là bà Phùng Thị M (mẹ đẻ của anh H). Ly hôn do chị chưa có công việc nên không có thu nhập, mặt khác để ổn định cuộc sống của con nên chị đồng ý để anh H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam chị đồng ý để bà Phùng Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng con, chị sẽ có trách nhiệm với con.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị B không cung cấp được địa chỉ của anh H ở Đài Loan. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Phùng Thị M là mẹ đẻ anh H. Bà M xác định anh H đi Đài Loan lao động từ năm 2017, sau khi anh H đi nước ngoài được 1 tháng thì chị B đưa con về nhà đẻ ở Bắc Giang. Khi cháu A được 1 tuổi bà đã lên Bắc Giang đón cháu về chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Việc chị B làm đơn ly hôn anh H và gia đình bà đều biết. Bà không biết địa chỉ của anh H ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án nhưng thực tế anh H vẫn thường xuyên liên lạc với bà bằng điện thoại, do vậy bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh H biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà M xác định đã thông tin cho anh H biết. Anh H có quan điểm đồng ý ly hôn và xin được nuôi con, thời gian anh H không ở Việt Nam anh ủy quyền cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Về tài sản chung, nợ chung anh H không đề nghị Tòa án giải quyết, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị B được ly hôn anh H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày 27/4/2017 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu A cho bà Phùng Thị M, chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng tiền nuôi con, chị B phải cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B không cung cấp được địa chỉ của anh H ở Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh H thì được biết, anh H vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Phùng Thị M. Bà M cũng đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết. Thông qua bà M anh H có quan điểm đồng ý ly hôn với chị B. Anh H đề nghị được nuôi cháu A và ủy quyền cho bà M chăm sóc nuôi dưỡng cháu A trong thời gian anh không ở Việt Nam. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H, chị B, bà M đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị B và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Hải Dương ngày 18 tháng 02 năm 2016, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Khi anh H đi nước ngoài lao động, chị B đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ít liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn. Thông qua gia đình, anh H cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với chị B. Xét thấy thực tế sau khi anh H đi nước ngoài chị B, anh H đã không còn quan tâm đến nhau, chị B có đơn xin ly hôn, anh H cũng đồng ý. Do vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B.

- *Về con chung:* Chị Triệu Thị B và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày 27/4/2017, cháu A sống với bà nội là bà Phùng Thị M từ khi cháu được 1 tuổi. Ly hôn, do chị B chưa có công việc, không có thu nhập nên chị đồng ý để anh H nuôi con. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam chị B đồng ý để cháu A sống cùng bà M. Bà M đồng ý chăm sóc cháu A thay anh H trong thời gian anh H không ở Việt Nam. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống cũng như nguyện vọng của các đương sự, cần giao cháu A cho anh H nuôi dưỡng. Chị B có trách nhiệm cấp dưỡng

tiền nuôi con chung cùng anh H là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày 27/4/2017 cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng. Chị B phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh H là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam tạm giao cháu A cho bà Phùng Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng.

*Chị B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp, theo B lai thu số AA/2018/0005723 ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn. Chị B còn phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị B, bà Phùng Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Hải Dương
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương.
- Các đương sự.
- UBND phường H
- UBND xã S, huyện N
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**